

**DANH SÁCH ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP QUẬN (VÒNG 1)
NĂM HỌC 2018 - 2019**

STT	TRƯỜNG	MÔN	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH			NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						NGÀY	THÁNG	NĂM					
1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Lương Hoàng Thảo	Nguyên	Nữ	19	10	2004	Tp HCM	AV059	2	Vào đội tuyển	1
2	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Nguyễn Khuê Thảo	Anh	Nữ	19	2	2004	TP.Hồ Chí Minh	AV006	1	Vào đội tuyển	2
3	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Lê Lan	Anh	Nữ	11	7	2004	Tp HCM	AV004	1	Vào đội tuyển	3
4	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Trần Minh	Huy	Nam	1	3	2004	TP.Hồ Chí Minh	AV030	1	Vào đội tuyển	4
5	Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh	Nguyễn Võ Uyên	Thi	Nữ	5	5	2004	TP Hồ Chí Minh	AV077	3	Vào đội tuyển	5
6	Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh	Nguyễn Quốc Anh	Thư	Nữ	31	5	2004	TP Hồ Chí Minh	AV081	3	Vào đội tuyển	6
7	Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng	Quân	Nữ	21	2	2004	TP Hồ Chí Minh	AV071	3	Vào đội tuyển	7
8	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Lê Uy	Khiêm	Nam	7	7	2004	Tp HCM	AV035	2	Vào đội tuyển	8
9	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Lê Trần Quỳnh	Anh	Nữ	21	6	2004	Tp HCM	AV005	1	Vào đội tuyển	9
10	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	15	7	2004	Đồng Nai	AV073	3	Vào đội tuyển	10
11	THCS Colette	Tiếng Anh	Thân Trọng Thảo	Nguyên	Nữ	22	7	2004	Phú Yên	AV060	2	Vào đội tuyển	11
12	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Lê Khắc	Viện	Nam	17	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	AV096	3	Vào đội tuyển	12
13	Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh	Đinh Hoàng	Dũng	Nam	21	7	2004	TP Hồ Chí Minh	AV018	1	Vào đội tuyển	13
14	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Đinh Quỳnh	Giang	Nữ	22	4	2004	TP.Hồ Chí Minh	AV020	1	Vào đội tuyển	14
15	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	Lê Trường	Giang	Nam	17	2	2004	TP.Hồ Chí Minh	AV021	1	Vào đội tuyển	15
16	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Trịnh Nguyên	Hà	Nữ	8	11	2004	Tp HCM	AV024	1	Vào đội tuyển	16
17	THCS Bàn Cờ	Tiếng Anh	Vũ Trần Kiều	Phan	Nữ	30	5	2004	TP.HCM	AV067	3	Vào đội tuyển	17
18	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	27	6	2003	Cộng hòa Sec	AV048	2	Vào đội tuyển	18
19	THCS Bạch Đằng	Tiếng Anh	Cao Lê Yến	Nhi	Nữ	5	5	2004	Q1-TP Hồ Chí Minh	AV065	2	Vào đội tuyển	19
20	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Dương Song	Hào	Nam	6	10	2004	Tp HCM	AV027	1	Vào đội tuyển	20
21	Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh	Trương Anh	Huy	Nam	25	11	2004	TP Hồ Chí Minh	AV031	1	Vào đội tuyển	21
22	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Nguyễn Tạ Khánh	Linh	Nữ	25	2	2004	Tp HCM	AV045	2	Vào đội tuyển	22
23	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Trần Minh	Nhật	Nam	17	9	2004	Tp HCM	AV063	2	Vào đội tuyển	23
24	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Phạm Thanh Bảo	Trân	Nữ	7	6	2004	Tp HCM	AV088	3	Vào đội tuyển	24
25	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Trương Khánh	Linh	Nữ	3	10	2004	Khánh Hòa	AV047	2	Vào đội tuyển	25
26	THCS Phan Sào Nam	Tiếng Anh	Đặng Quốc	Bảo	Nam	3	8	2004	TP.Hồ Chí Minh	AV011	1	Vào đội tuyển	26
27	THCS Kiến Thiết	Tiếng Anh	Phùng Nguyễn Bảo	Huy	Nam	21	7	2004	TP. HCM	AV029	1	Vào đội tuyển	27

STT	TRƯỜNG	MÔN	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH			NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						NGÀY	THÁNG	NĂM					
28	THCS Kiến Thiết	Tiếng Anh	Nguyễn Vương Xuân	Nghi	Nữ	11	5	2004	TP.HCM	AV055	2	Vào đội tuyển	28
29	THCS Colette	Tiếng Anh	Lê Minh	Nguyệt	Nữ	11	8	2004	TP.HCM	AV061	2	Vào đội tuyển	29
30	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Nguyễn Đăng Hoàng	Nhi	Nữ	25	4	2004	Tp HCM	AV066	2	Vào đội tuyển	30
31	THCS Lê Quý Đôn	Toán	Nguyễn Tiến	Hung	Nam	9	4	2004	Tp HCM	TT015	8	Vào đội tuyển	1
32	THCS Colette	Toán	Trần Phan Anh	Danh	Nam	1	6	2004	TP.HCM	TT009	8	Vào đội tuyển	2
33	THCS Lê Lợi	Toán	Lã Trọng Thiên	Việt	Nam	5	1	2004	TP Hồ Chí Minh	TT056	9	Vào đội tuyển	3
34	THCS Colette	Toán	Lê Quang	Minh	Nam	27	9	2004	LÂM ĐỒNG	TT026	8	Vào đội tuyển	4
35	THCS Đoàn Thị Điểm	Toán	Nguyễn Công	Toàn	Nam	10	1	2004	Tp HCM	TT052	9	Vào đội tuyển	5
36	THCS Hai Bà Trưng	Toán	Trần Nguyên	Khang	Nam	1	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	TT019	8	Vào đội tuyển	6
37	THCS Lê Quý Đôn	Toán	Hoàng Túy	Minh	Nam	27	3	2004	Tp HCM	TT025	8	Vào đội tuyển	7
38	THCS Bạch Đằng	Toán	Phan Cảnh Bảo	Duy	Nam	9	11	2004	Q1-TP Hồ Chí Minh	TT012	8	Vào đội tuyển	8
39	THCS Lê Lợi	Toán	Nguyễn Minh	Quân	Nam	3	3	2004	TP Hồ Chí Minh	TT039	9	Vào đội tuyển	9
40	THCS Lê Quý Đôn	Toán	Nguyễn Hoàng	Danh	Nam	20	3	2004	Tp HCM	TT008	8	Vào đội tuyển	10
41	THCS Kiến Thiết	Toán	Phùng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	13	3	2004	TP.HCM	TT005	8	Vào đội tuyển	11
42	THCS Hai Bà Trưng	Toán	Trần Thành	Long	Nam	25	9	2004	TP.Hồ Chí Minh	TT024	8	Vào đội tuyển	12
43	THCS Lê Quý Đôn	Toán	Liêu Lin	Đan	Nữ	15	1	2004	Tp HCM	TT007	8	Vào đội tuyển	13
44	THCS Lê Quý Đôn	Toán	Lê Ái	My	Nữ	18	7	2004	Tp.HCM	TT027	8	Vào đội tuyển	14
45	THCS Đoàn Thị Điểm	Toán	Quản Mai Hoàng	Phúc	Nam	19	11	2004	Tp HCM	TT036	9	Vào đội tuyển	15
46	THCS Kiến Thiết	Toán	Tăng Kim	Anh	Nữ	16	2	2004	TP. HCM	TT004	8	Vào đội tuyển	16
47	Quốc tế Á Châu	Toán	Trần Đoàn Minh	Thùy	Nữ	3	1	2004	TP Hồ Chí Minh	TT049	9	Vào đội tuyển	17
48	THCS Hai Bà Trưng	Toán	Nguyễn Đức Nam	Anh	Nam	23	8	2004	TP.Hồ Chí Minh	TT002	8	Vào đội tuyển	18
49	THCS Bạch Đằng	Toán	Đoàn Minh	Khanh	Nữ	25	11	2004	Bình Dương	TT020	8	Vào đội tuyển	19
50	THCS Đoàn Thị Điểm	Toán	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	19	5	2004	Tp HCM	TT003	8	Vào đội tuyển	20
51	THCS Bàn Cờ	Toán	Trần Trọng	Hiếu	Nam	25	2	2004	TP.HCM	TT014	8	Vào đội tuyển	21
52	THCS Lê Quý Đôn	Toán	Nguyễn Quang	Phú	Nam	18	4	2004	Tp HCM	TT035	9	Vào đội tuyển	22
53	THCS Hai Bà Trưng	Toán	Tất Huy	Thành	Nam	15	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	TT042	9	Vào đội tuyển	23
54	THCS Lê Lợi	Toán	Lê Viết	Tín	Nam	25	12	2004	TP Hồ Chí Minh	TT051	9	Vào đội tuyển	24
55	THCS Bàn Cờ	Toán	Phạm Hoàng Minh	Thư	Nữ	10	7	2004	TP.HCM	TT048	9	Vào đội tuyển	25
56	THCS Bạch Đằng	Toán	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	4	9	2004	TP Hồ Chí Minh	TT037	9	Vào đội tuyển	26
57	Quốc tế Á Châu	Toán	Ngô Võ Minh	Thành	Nam	7	4	2004	TP Hồ Chí Minh	TT041	9	Vào đội tuyển	27
58	THCS Bàn Cờ	Toán	Nguyễn Cao	Đạt	Nam	27	5	2004	Long An	TT011	8	Vào đội tuyển	28
59	THCS Hai Bà Trưng	Vật lý	Đỗ Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	16	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	VL053	5	Vào đội tuyển	1

STT	TRƯỜNG	MÔN	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH			NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
					NGÀY	THÁNG	NĂM					
60	THCS Lê Lợi	Vật lý	Hoàng Khánh Linh	Nữ	1	3	2004	Hải Phòng	VL027	4	Vào đội tuyển	2
61	THCS Hai Bà Trưng	Vật lý	Nguyễn Ngọc Hiền	Nữ	19	1	2004	TP.Hồ Chí Minh	VL016	4	Vào đội tuyển	3
62	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	Nguyễn Minh Thư	Nữ	4	1	2004	TPHCM	VL045	5	Vào đội tuyển	4
63	THCS Bàn Cờ	Vật lý	Ngô Minh Khôi	Nam	14	5	2004	TP.HCM	VL026	4	Vào đội tuyển	5
64	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	Lê Công Hiếu	Nam	2	4	2004	TPHCM	VL018	4	Vào đội tuyển	6
65	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	Nguyễn Ngọc Huân	Nam	29	7	2004	TPHCM	VL019	4	Vào đội tuyển	7
66	THCS Đoàn Thị Điểm	Vật lý	Đặng Ngọc Quyên	Nữ	22	2	2004	Tp HCM	VL039	5	Vào đội tuyển	8
67	THCS Đoàn Thị Điểm	Vật lý	Phan Khánh Trình	Nam	28	9	2004	Tp HCM	VL050	5	Vào đội tuyển	9
68	THCS Kiến Thiết	Vật lý	Đỗ Vũ Nguyên Anh	Nữ	8	11	2004	Gia Lai	VL003	4	Vào đội tuyển	10
69	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	Hồ Viết Bách	Nam	6	12	2004	TPHCM	VL004	4	Vào đội tuyển	11
70	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	Bùi Hữu Minh Đức	Nam	2	1	2004	TPHCM	VL012	4	Vào đội tuyển	12
71	THCS Hai Bà Trưng	Vật lý	Nguyễn Lê Xuân Thịnh	Nam	7	1	2004	TP.Hồ Chí Minh	VL044	5	Vào đội tuyển	13
72	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	Phạm Gia Bảo	Nam	24	1	2004	TPHCM	VL006	4	Vào đội tuyển	14
73	THCS Đoàn Thị Điểm	Vật lý	Lý Mỹ Phương	Nữ	8	5	2004	Tp HCM	VL037	5	Vào đội tuyển	15
74	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	Nguyễn Trọng Bách	Nam	27	11	2004	TPHCM	VL005	4	Vào đội tuyển	16
75	THCS Colette	Vật lý	Trần Huỳnh Minh Thanh	Nữ	7	2	2004	TP.HCM	VL043	5	Vào đội tuyển	17
76	THCS Lê Lợi	Vật lý	Nguyễn Huỳnh Tấn Khải	Nam	7	2	2004	TP Hồ Chí Minh	VL022	4	Vào đội tuyển	18
77	THCS Lê Lợi	Vật lý	Nguyễn Minh Trí	Nam	5	2	2004	TP Hồ Chí Minh	VL047	5	Vào đội tuyển	19
78	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	Phạm Trần Thanh An	Nam	11	6	2004	TPHCM	VL001	4	Vào đội tuyển	20
79	THCS Bạch Đằng	Vật lý	Đinh Duy Linh Đan	Nữ	14	3	2004	Q5-TP Hồ Chí Minh	VL008	4	Vào đội tuyển	21
80	THCS Lương Thế Vinh	Vật lý	Nguyễn Ngọc Duy	Nam	18	6	2004	TP.HCM	VL013	4	Vào đội tuyển	22
81	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Nữ	6	9	2004	TPHCM	VL054	5	Vào đội tuyển	23
82	THCS Phan Sào Nam	Vật lý	Vũ Phan Hoài An	Nữ	17	8	2004	TP.Hồ Chí Minh	VL002	4	Vào đội tuyển	24
83	THCS Colette	Vật lý	Nguyễn Ngọc Kim Chung	Nữ	27	8	2004	HÀ NỘI	VL007	4	Vào đội tuyển	25
84	THCS Kiến Thiết	Vật lý	Phạm Hải Đăng	Nam	3	12	2004	TP. HCM	VL010	4	Vào đội tuyển	26
85	THCS Lương Thế Vinh	Vật lý	Nguyễn Thạch Thiên Phúc	Nam	16	3	2004	TP.HCM	VL036	5	Vào đội tuyển	27
86	Quốc tế Á Châu	Vật lý	Phan Nguyễn Hải Triều	Nam	16	9	2004	TP Hồ Chí Minh	VL049	5	Vào đội tuyển	28
87	THCS Kiến Thiết	Ngữ văn	Nguyễn Lê Minh Trang	Nữ	10	3	2004	Hà Nội	VV052	7	Vào đội tuyển	1
88	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	Tạ Thị Mỹ Vân	Nữ	21	6	2004	Bắc Giang	VV055	7	Vào đội tuyển	2
89	THCS Colette	Ngữ văn	Lê Phan Anh Thư	Nữ	10	8	2004	TP.HCM	VV043	7	Vào đội tuyển	3
90	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	Nguyễn Hiền Xuân	Nữ	8	3	2004	TP Hồ Chí Minh	VV059	7	Vào đội tuyển	4
91	THCS Hai Bà Trưng	Ngữ văn	Nguyễn Lê Hải My	Nữ	12	8	2004	TP.Hồ Chí Minh	VV025	6	Vào đội tuyển	5

STT	TRƯỜNG	MÔN	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH			NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						NGÀY	THÁNG	NĂM					
92	THCS Kiến Thiết	Ngữ văn	Trần Phương	Nghi	Nữ	30	5	2004	TP. HCM	VV029	6	Vào đội tuyển	6
93	THCS Colette	Ngữ văn	Trần Thanh	Thanh	Nữ	6	9	2004	TP.HCM	VV042	7	Vào đội tuyển	7
94	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	21	4	2004	Tp HCM	VV050	7	Vào đội tuyển	8
95	THCS Hai Bà Trưng	Ngữ văn	Đặng Hải Duy	Ân	Nam	4	5	2004	TP.Hồ Chí Minh	VV002	6	Vào đội tuyển	9
96	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	Nguyễn Đan	Dung	Nữ	31	3	2004	Tp HCM	VV009	6	Vào đội tuyển	10
97	THCS Hai Bà Trưng	Ngữ văn	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	8	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	VV011	6	Vào đội tuyển	11
98	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	Đỗ Thụy Vi	An	Nữ	3	10	2004	Tp HCM	VV001	6	Vào đội tuyển	12
99	THCS Kiến Thiết	Ngữ văn	Lê Hoàng	Nam	Nam	20	7	2004	TP.HCM	VV026	6	Vào đội tuyển	13
100	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	Nguyễn Hoàng Nhật	Tiên	Nữ	2	2	2004	Tp HCM	VV048	7	Vào đội tuyển	14
101	THCS Kiến Thiết	Ngữ văn	Tổng Đặng Khánh	Vinh	Nam	25	9	2004	TP.HCM	VV056	7	Vào đội tuyển	15
102	Quốc tế Á Châu	Ngữ văn	Ngô Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	21	2	2004	TP Hồ Chí Minh	VV005	6	Vào đội tuyển	16
103	THCS Colette	Ngữ văn	Nguyễn Thị Chi	Lan	Nữ	16	10	2004	TP.HCM	VV018	6	Vào đội tuyển	17
104	THCS Hai Bà Trưng	Ngữ văn	Hoàng	Ngọc	Nữ	7	7	2004	TP.Hồ Chí Minh	VV030	6	Vào đội tuyển	18
105	THCS Kiến Thiết	Ngữ văn	Võ Thị Tổ	Nhi	Nữ	29	10	2004	Gia Lai	VV033	7	Vào đội tuyển	19
106	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	Phạm Minh	Quyên	Nữ	2	9	2004	Tp HCM	VV038	7	Vào đội tuyển	20
107	THCS Hai Bà Trưng	Ngữ văn	Nguyễn Đan	Vy	Nữ	12	7	2004	TP.Hồ Chí Minh	VV057	7	Vào đội tuyển	21
108	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	Lai Ngọc Trâm	Anh	Nữ	1	6	2004	Tp HCM	VV004	6	Vào đội tuyển	22
109	THCS Bàn Cờ	Ngữ văn	Phạm Trang	Linh	Nữ	22	2	2004	Hải Phòng	VV021	6	Vào đội tuyển	23
110	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	Phạm Thúy	Quỳnh	Nữ	8	3	2004	TP Hồ Chí Minh	VV039	7	Vào đội tuyển	24
111	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	Trần Như	Quỳnh	Nữ	25	1	2004	Tp HCM	VV040	7	Vào đội tuyển	25
112	THCS Thăng Long	Ngữ văn	Trần Ngọc Bảo	Trân	Nữ	11	7	2004	Tp. HCM	VV051	7	Vào đội tuyển	26

* Danh sách có 112 học sinh.